**Một số vấn đề về giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ theo thủ tục tố tụng dân sự**

Cùng với tầm quan trọng ngày càng tăng của sở hữu trí tuệ, các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ cũng xảy ra ngày càng nhiều hơn. Tranh chấp sở hữu trí tuệ là một loại tranh chấp dân sự hoặc tranh chấp thương mại cụ thể, bởi vậy việc giải quyết loại tranh chấp này dựa trên cơ sở nguyên tắc, trình tự, thủ tục được quy định chung trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đây là loại tranh chấp đặc thù xuất phát từ tính chất vô hình của các đối tượng sở hữu trí tuệ; hơn nữa đây lại là loại tranh chấp còn tương đối mới mẻ. Thực tế cũng chỉ ra rằng, việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ gặp rất nhiều khó khăn. Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết loại tranh chấp này, cơ sở pháp lý chưa hoàn thiện cũng là nguyên nhân cơ bản.

Bài viết này đề cập đến những vấn đề pháp lý cơ bản, quan trọng trong qúa trình giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tụê theo thủ tục tố tụng dân sự, tuy nhiên lại chưa được quy định hoặc quy định chưa rõ, chưa đầy đủ trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 và các văn bản pháp luật liên quan.

1. **Thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ**

Trong ba loại biện pháp được áp dụng để giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, ranh giới giữa biện pháp hình sự và hai biện pháp còn lại là biện pháp dân sự và biện pháp hành chính tương đối rõ ràng.[1] Thông thường, hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp bị xử lý hình sự nếu trước đó đã bị xử lý hành chính. Trong khi đó, ranh giới giữa biện pháp dân sự và biện pháp hành chính lại chưa thật sự rõ ràng, đặc biệt vấn đề những tranh chấp nào được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự và những tranh chấp nào được giải quyết bằng “con đường” hành chính. Hệ quả là, nhiều tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ lẽ ra phải được giải quyết theo thủ tụng tố tụng dân sự nhưng lại giải quyết theo thủ tục hành chính. Theo thống kê, trong những năm qua, hầu hết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ được giải quyết bằng biện pháp hành chính. Không ít người lo ngại rằng, việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ đang bị hành chính hoá. Quy định không rõ ràng về thẩm quyền dẫn đến sự chồng chéo trong hoạt động của các cơ quan, các cơ quan đôi khi thực hiện công việc không thuộc thẩm quyền của mình, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp năm 1989 lần đầu tiên quy định cho Toà án thẩm quyền xét xử các tranh chấp về quyền trí tuệ mà cụ thể là quyền sở hữu công nghiệp tại Điều 29. Theo quy định của Pháp lệnh, thẩm quyền xét xử các tranh chấp sở hữu công nghiệp của Toà án rất hẹp. Cụ thể, Toà án chỉ có thẩm quyền xét xử bốn loại tranh chấp và vi phạm sau: hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của chủ văn bằng bảo hộ; tranh chấp liên quan đến việc tổ chức, cá nhân được chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải trả khoản tiền cho chủ văn bằng bảo hộ trong trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hưũ công nghiệp; tranh chấp liên quan đến việc cấp văn bằng bảo hộ cho tổ chức, cá nhân không có quyền nộp đơn; tranh chấp liên quan đến việc trả thù lao cho tác giả và người thừa kế của tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp[2].

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 chỉ quy định tranh chấp về quyền sở hữu trí tụê, chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án (khoản 40-Điều 25, khoản 2-Điều 29). Bộ luật dân sự năm 1995 và các văn bản hướng dẫn thi hành về quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp trong Bộ luật[3] cũng chỉ quy định: tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp có quyền khởi kiện yêu cầu cơ quan nhà nước thẩm quyền bảo vệ quyền của mình khi bị xâm hại; tranh chấp về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự[4]. Ngày 21/8/1997, Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 97/KHXX xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp. Tiếp đó, ngày 5/12/2001, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ văn hoá-thông tin đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BVHTT về giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả tại Toà án nhân dân. Tuy nhiên, tất cả những văn bản pháp luật này cũng chưa quy định rõ, đầy đủ các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ cụ thể nào thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo thủ tục tố tụng dân sự.

Trên cơ sở các quy định rải rác trong các văn bản pháp luật kể trên về thẩm quyền của Toà án trong việc giải quyết tranh chấp quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và thực tế phát sinh, giải quyết các tranh chấp này, thẩm quyền theo vụ việc có thể được xác định như sau:

Những tranh chấp về quyền tác giả thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án

- Tranh chấp giữa các cá nhân, tổ chức nhằm xác định tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu tác phẩm;

- Tranh chấp giữa tác giả, đồng tác giả không phải là chủ sở hữu tác phẩm và chủ sở hữu tác phẩm về các quyền nhân thân, quyền tài sản của các chủ thể này;

- Tranh chấp về thừa kế quyền tác giả;

- Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng sử dụng tác phẩm;

- Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dịch vụ bản quyền tác giả;

- Tranh chấp giữa tác giả, chủ sở hữu tác phẩm gốc với tác giả, chủ sở hữu tác phẩm phái sinh (tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn);

- Tranh chấp giữa tác giả, chủ sở hữu tác phẩm với những người có quyền kề cận (quyền liên quan đến quyền tác giả) là người biểu diễn, tổ chức sản xuất băng ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng;

- Tranh chấp giữa những tổ chức, cá nhân có quyền liên quan đến quyền tác giả, bao gồm: người biểu diễn, tổ chức sản xuất băng ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng và những người khác có hành vi vi phạm quyền của họ;

- Tranh chấp giữa tác giả, đồng tác giả với những người có liên quan nhưng không phải là tác giả, bao gồm: người sưu tầm tài liệu cho tác giả, người cung cấp tài chính và phương tiện vật chất khác.

Tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án

- Tranh chấp nhằm xác định ai là tác giả, chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp đối tượng sở hữu công nghiệp;

- Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng khởi kiện cá nhân, tổ chức (trong đó bao gồm cả chủ sở hữu các đối tượng này) xâm phạm quyền tác giả của mình;

- Chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng, tên thương mại, bí mật kinh doanh; người có quyền sử dụng hợp pháp tên gọi xuất xứ hàng hoá, chỉ dẫn địa lý có khởi kiện cá nhân, tổ chức xâm phạm quyền sở hữu, quyền sử dụng của mình;

- Chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp khởi kiện người sử dụng trước các đối tượng sở hữu công nghiệp này trong trường hợp người sử dụng trước chuyển giao quyền sử dụng cho người khác hoặc mở rộng khối lượng, phạm vi so với ngày công bố trong đơn;

- Cá nhân, tổ chức khởi kiện cá nhân, tổ chức khác cản trở, hạn chế quyền tự do sáng tạo, quyền sở hữu các sản phẩm trí tuệ của mình;

- Tranh chấp về thừa kế quyền sở hữu công nghiệp;

- Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hưũ công nghiệp (còn gọi là hợp đồng li-xăng);

- Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

- Tranh chấp về quyền nộp đơn xin cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Bằng độc quyền hoặc Giấy chứng nhận);

- Tranh chấp về việc trả thù lao và các khoản phí khác giữa Cục sở hữu trí tuệ và các chủ thể khác.

Rõ ràng, nếu so sánh với quy định của Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp năm 1989, pháp luật hiện hành đã giành cho Toà án thẩm quyền rộng hơn rất nhiều trong việc xét xử các tranh chấp về quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (Điều 25, Điều 27, Điều 33, Điều 34), thẩm quyền giải quyết các tranh chấp sở hữu trí tuệ của Toà án được xác định như sau: 1.Nếu tranh chấp sở hữu trí tuệ thuần tuý là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền của Toà án cấp huyện; 2.Nếu tranh chấp sở hữu trí tuệ thuần tuý là tranh chấp dân sự nhưng có đương sự hoặc đối tượng sở hữu trí tuệ ở nước ngoài, thuộc quyền của Toà án cấp tỉnh; 3.Nếu tranh chấp sở hữu trí tuệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được coi là tranh chấp thương mại, kinh doanh và thuộc thẩm quyền của Toà án cấp tỉnh.

**2. Người có quyền khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ**

Bên cạnh vấn đề thẩm quyền, cần phải quy định rõ ai có quyền khởi kiện tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trước Toà án theo thủ tụng tố tụng dân sự. Vấn đề nguyên đơn trong vụ kiện về quyền sở hữu trí tuệ cũng chưa được quy định trong bất kỳ văn bản pháp luật nào. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 chỉ quy định “Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, người được cá nhân, cơ quan, tổ chức khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm phạm. Cơ quan, tổ chức do Bộ luật này quy định khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Toà án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách cũng là nguyên đơn”. Nguyên đơn có các quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 1, Điều 59-Bộ luật tố tụng dân sự.

Do pháp luật không quy định ai có quyền khởi kiện tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, dẫn đến trong thực tế người có quyền khởi kiện đôi khi bỏ mất quyền khởi kiện hoặc người không có quyền khởi kiện lại khởi kiện nên không được Toà án giải quyết.

Nguyên đơn trong vụ án về quyền sở hữu trí tuệ có thể là tác giả, chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ hoặc một số người có quyền liên quan khác. Cụ thể như sau:

Đối với những tranh chấp về quyền tác giả, những người sau đây có quyền khởi kiện:

- Tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm;

- Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm;

- Chủ sở hữu tác phẩm không đồng thời là tác giả;

- Người được thừa kế của tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm;

- Người có quyền liên quan đến quyền tác giả, bao gồm: người biểu diễn; tổ chức sản xuất băng âm thanh, băng hình; tổ chức phát sóng;

- Người có quyền sử dụng hợp pháp tác phẩm thông qua hợp đồng sử dụng tác phẩm;

- Tổ chức, cá nhân được các chủ thể trên uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

Đối với tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp, những người sau đây có quyền khởi kiện:

- Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng.

- Chủ sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng, nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, bí mật kinh doanh.

- Người sử dụng hợp pháp tên gọi xuất xứ hàng hoá, chỉ dẫn địa lý.

- Người được thừa kế quyền sở hữu công nghiệp.

- Người có quyền sử dụng hợp pháp các đối tượng sở hữu công nghiệp thông qua hợp đồng li-xăng.

- Người biểu diễn; tổ chức, cá nhân sản xuất băng ghi âm, ghi hình; tổ chức phát thanh, truyền hình.

- Tổ chức, cá nhân được các chủ thể trên uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

Khi xác định nguyên đơn trong trong chấp về quyền sở hữu trí tuệ, cần lưu ý: Đối với quyền tác giả, quyền khởi kiện yêu cầu bảo hộ quyền tác giả phát sinh từ thời điểm cá nhân sáng tạo ra tác phẩm và thể hiện sự sáng tạo đó dưới một hình thức vật chất nhất định. Tức là, nếu một người có ý tưởng sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, nhưng chưa thể hiện ý tưởng này dưới bất kỳ hình thức nào như: giấy, gỗ, vải… thì không thể khởi kiện yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền của mình đối với ý tưởng. Hơn nữa, trong trường hợp tác giả, chủ sở hữu tác phẩm khởi kiện cá nhân, tổ chức xâm phạm quyền của họ (trừ các quyền nhân thân quy định tại điểm a, b, đ-khoản 1-Điều 751-Bộ luật dân sự), việc khởi kiện chỉ được chấp nhận trong thời hạn tác phẩm được bảo hộ. Thời hạn đó là suốt cuộc đời tác giả và 50 năm sau khi tác giả chết. Đối với quyền sở hữu công nghiệp, nếu tác giả, chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp đối tượng sở hữu công nghiệp khởi kiện tổ chức, cá nhân khác xâm phạm quyền của mình phải là người đã được cấp Văn bằng bảo hộ cho đối tượng sở hữu công nghiệp đó; và hành vi vi phạm xảy ra trong thời hạn bảo hộ.

**3. Chứng cứ**

Khi giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, cũng như đối với các vụ án dân sự khác, “đương sự có yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh” (Điều 79-Bộ luật tố tụng dân sự). Tuy nhiên, việc chứng minh trong vụ án về quyền sở hữu trí tuệ thường khó khăn hơn rất nhiều so với các vụ án dân sự khác.

Theo quy định tại Điều 82-Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, pháp luật thừa nhận chín nguồn chứng cứ mà đương sự được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ chứng minh của mình. Ngoài quy định chung này trong Bộ luật tố tụng dân sự, không có bất kỳ một văn bản pháp luật nào quy định về chứng cứ trong quá trình giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ[5].

Trong các loại chứng cứ được quy định tại Điều 82-Bộ luật tố tụng dân sự, các nguồn sau đây có thể được sử dụng khi giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ: các tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được; các vật chứng; lời khai của đương sự; lời khai của ngừoi làm chứng; kết luận giám định; kết quả định giá tài sản. Tuỳ từng loại tranh chấp cụ thể mà chứng cứ được sử dụng khác nhau, đương sự có thể đưa ra một hoặc một số loại chứng cứ.

Đối với tranh chấp về quyền tác giả, các tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được có giá trị là chứng cứ bao gồm:

- Giấy chứng nhận bản quyền tác giả do Cục bản quyền thuộc Bộ Văn hoá-thông tin cấp. Giấy chứng nhận bản quyền tác giả là chứng cứ để chứng minh người có tên trong Giấy này là tác giả của tác phẩm. Trong trường hợp đương sự không làm thủ tục đăng ký tại Cục bản quyền tác giả, nếu muốn chứng minh là tác giả, đương sự phải chứng minh mình đã sáng tạo ra tác phẩm và sự sáng tạo đó đã được định hình dưới một hình thức vật chất;

- Các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học thể hiện dưới hình thức: bài báo, sách, tạp chí, băng, đĩa âm thanh, băng, đĩa hình… có nội dung vi phạm tác phẩm đã được bảo hộ;

- Hợp đồng thuê sáng tạo; hợp đồng lao đồng và văn bản giao việc trong trường hợp chứng minh cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu tác phẩm;

- Di chúc hợp pháp, bản án, quyết định của Toà án về việc chia di sản thừa kế trong trường hợp giải quyết tranh chấp phát sinh từ thừa kế quyền tác giả;

- Hợp đồng sử dụng tác phẩm trong trường hợp giải quyết tranh chấp về hợp đồng sử dụng tác phẩm;

- Hợp đồng dịch vụ bản quyền tác giả trong trường hợp giải quyết tranh chấp về hợp đồng dịch vụ bản quyền tác giả;

- Hợp đồng thuê biểu diễn nghệ thuật, hợp đồng tổ chức sản xuất chương trình văn hoá, nghệ thuật; hợp đồng sản xuất, phát hành băng ghi âm, ghi hình; hợp đồng trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình trong trường hợp giải quyết tranh chấp phát sinh từ những quan hệ này;

- Hoá đơn thanh toán thù lao, nhuận bút trong trường hợp giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền hưởng các khoản này của tác giả.

Đối với tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp, các tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được có giá trị là chứng cứ bao gồm:

- Văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp được sử dụng để chứng minh người có tên trong văn bằng là tác giả, chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp. Cụ thể là Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá, Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Bằng bảo hộ giống cây trồng mới;

- Hợp đồng thuê sáng tạo; hợp đồng lao đồng và văn bản giao việc trong trường hợp chứng minh là chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp trong trường hợp chứng minh ai là tác giả, chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp;

- Di chúc hợp pháp, bản án, quyết định của Toà án về việc chia di sản thừa kế trong trường hợp giải quyết tranh chấp về thừa kế quyền sở hữu công nghiệp;

- Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp, hợp đồng li-xăng trong trường hợp giải quyết tranh chấp phát sinh từ những hợp đồng này;

- Hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này;

- Đơn và các giấy tờ khác chứng minh đã nộp đơn;

- Các hợp đồng, giấy tờ khác về việc mua bán, gửi giữ, quảng cáo, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá/dịch vụ có gắn đối tượng sở hữu công nghiệp đã được bảo hộ trong trường hợp chứng minh hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp;

- Các hoá đơn, chứng từ hợp lệ;

- Danh mục nhãn hiệu hàng hoá nổi tiếng trong trường hợp chứng minh nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại giống hoặc tương tự với nhãn hiệu hàng hoá nổi tiếng.

Bên cạnh đó, một số vật chứng cũng có thể được sử dụng. Ví dụ: Hàng hoá gắn đối tượng sở hữu công nghiệp đã được bảo hộ; hàng hoá gắn đối tượng sở hữu công nghiệp bị coi là vi phạm; các khoản thu lợi bất chính…

**4. Giám định**

Vấn đề giám định thường được đặt ra trong trường hợp đối tượng sở hữu trí tuệ đang tranh chấp là đối tượng phức tạp. Theo Điều 90 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, Thẩm phán ra quyết định trưng cầu giám định theo sự thoả thuận lựa chọn của các bên đương sự hoặc theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự. Kết luận giám định là một nguồn chứng cứ quan trọng. Tuy nhiên, Điều 67 – Bộ luật tố tụng dân sự về người giám định chỉ quy định chung chung “Người giám định là người có kiến thức, kinh nghiệm cần thiết theo quy định của lĩnh vực có đối tượng cần giám định”. Cho đến nay, trong lĩnh vực sở hưũ trí tuệ, chưa có quy định cụ thể cơ quan nào có thẩm quyền giám định, trình tự, thủ tục giám định ra sao. Trong thực tế, thẩm quyền giám định đối tượng sở hữu trí tuệ thuộc về Cục sở hữu trí tuệ, trong khi đó đây lại là một cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp.

Nên quy định một cơ quan độc lập có thẩm quyền giám định đối tượng sở hữu trí tuệ, hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Đối với quyền tác giả, đó là cơ quan độc lập thuộc Bộ văn hoá-thông tin, còn đối với quyền sở hữu công nghiệp, đó là cơ quan thuộc Bộ khoa học-công nghệ.

**5. Xác định mức bồi thường**

Thủ tục tố tụng dân sự cho phép tác giả, chủ sở hữu của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học và tác giả, chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp cũng như các chủ thể có quyền liên quan khác được quyền khởi kiện yêu cầu Toà án công nhận quyền của mình; buộc người có hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp chấm dứt hành vi xâm phạm; yêu cầu người có hành vi xâm phạm; và buộc người có hành vi xâm phạm phải bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa quy định cụ thể về cách thức xác định thiệt hại, mức bồi thường thiệt hại trong trường hợp quyền sở hữu trí tuệ bị xâm hại. Nếu chỉ căn cứ vào các quy định về “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” tại chương 5, phần thứ ba của Bộ luật dân sự sẽ không thoả đáng khi giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại do đối tượng sở hữu trí tuệ bị xâm phạm. Hơn nữa, theo nguyên tắc, nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh mức độ thiệt hại thực tế và thiệt hại tiềm tàng của mình do hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp gây ra. Tuy nhiên, để chứng minh được điều này là điều không đơn giản với nguyên đơn.

Hiện nay, các Toà án rất lúng túng trong việc giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Trong hầu hết các vụ việc, việc xác định mức bồi thường cho nguyên đơn là không thoả đáng, bởi vậy không bảo vệ được lợi ích chính đáng của họ. Về vấn đề này cần được xác định rõ trong Luật sở hữu trí tuệ đang được xây dựng, hoặc hướng dẫn xét xử của Toà án nhân dân tối cao.

Theo chúng tôi, nên quy định: Thứ nhất, mức bồi thường được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế mà tác giả, chủ sở hữu, người có quyền sử dụng hợp pháp đối tượng sở hữu trí tuệ phải gánh chịu do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Thứ hai, thiệt hại bao gồm: Thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Thiệt hại về vật chất bao gồm: tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại, chi phí hợp lý để thuê luật sư, tổn thất về cơ hội kinh doanh. Thiệt hại về tinh thần bao gồm: tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần.

6. Kết luận

Rõ ràng, cơ sở pháp lý cho việc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ theo thủ tục tố tụng dân sự chưa cụ thể, chưa đầy đủ. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan giải quyết tranh chấp và cho cả đương sự, làm cho hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở nước ta không cao. Bởi vậy, việc hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ nói chung và giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ theo thủ tục tố tụng dân sự nói riêng vô cùng cần thiết.

Để bảo đảm giải quyết tốt hơn tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ theo thủ tụng tố tụng dân sự, cần phải quy định cụ thể hơn về các vấn đề: 1. Những tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án; 2. Những tổ chức, cá nhân có quyền khởi kiện tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ trước Toà án; 3. Các chứng cứ đương sự được sử dụng trong quá trình chứng minh; 4. Cơ quan có thẩm quyền giám định và trình tự, thủ tục giám định; 5. Nguyên tắc bồi thường và xác định mức định bồi thường khi quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm.

Nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật tố tụng dân sự về giải quyết tranh chấp quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp, theo chúng tôi: không nên bổ sung các quy định về những vấn đề được phân tích trên đây vào Bộ luật tố tụng dân sự mà nên theo hướng quy định trong các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật tố tụng dân sự và đặc biệt là văn bản hướng dẫn xét xử của Toà án nhân dân tối cao (bên cạnh đó, cũng nên quy định trong văn bản pháp luật nội dung là Luật sở hữu trí tuệ). Bởi vì, Bộ luật tố tụng dân sự là cơ sở pháp lý quan trọng nhất trong việc giải quyết các vụ việc dân sự. Bộ luật chỉ quy định chung về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, quyền, nghĩa vụ của các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự mà không quy định cụ thể cho từng vụ án, việc dân sự.

Đồng thời với việc hoàn thiện các quy định pháp luật, cần thiết phải nâng cao trình độ của các thẩm phán chuyên trách về lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Điều này góp phần nâng cao quả giải quyết tranh chấp và làm tăng độ tin cậy của các đương sự trong tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ./.

[1] Để bảo vệ quyền tác giả, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hai tội: tội xâm phạm quyền tác giả (Điều 131) và tội vi phạm các quy định về xuất bản, phát hành sách, báo, đĩa âm thanh, băng âm thanh, đĩa hình, băng hình hoặc các ấn phẩm khác (Điều 271). Để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định các tội: 1. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 157); Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng vật nuôi (Điều 158); Tội lừa dối khách hàng (Điều 162); Tội xâm phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170); Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171).

[2] Xem khoản 3-Điều 9; khoản 2-Điều 14; khoản 2 và khoản 3-Điều 28 của Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp năm 1989.

[3] Nghị định 76-CP ngày 29/11/1996 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật dân sự, Nghị định 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính Phủ quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp chỉ quy định

4. Xem Điều 759– Bộ luật dân sự; điểm c-khoản 1, Điều 796– Bộ luật dân sự; điểm c-khoản 1-Điều 800–Bộ luật dân sự; Điều 7- Nghị định 76/CP; Điều 54-Nghị định 63/CP.

5. Dự thảo Luật sở hữu trí tuệ cũng quy định về chứng cứ mà đương sự có quyền sử dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, đây vẫn là quy định sơ sài.

Source: TẠP CHÍ LUẬT HỌC SỐ ĐẶC SAN VỀ BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2005

**Nguồn:**

## <https://most.gov.vn/thanhtra/tin-tuc/6/277/-mot-so-van-de-ve-giai-quyet-tranh-chap-so-huu-tri-tue-theo-thu-tuc-to-tung-dan-su.aspx>

*Bài viết được đăng tải nhằm mục đích phổ biến, tuyên truyền pháp luật không nhằm mục đích thương mại. Độc giả sử dụng bài viết phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.*

*Thông tin trong bài viết chỉ có giá trị tham khảo, do đó, độc giả cần tham khảo ý kiến chuyên gia, luật sư trước khi áp dụng vào thực tế.*